

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Quỹ đầu tư giá trị MB Capital

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11- 12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23 - 52

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 248.678.064.600 VND, tương đương với 24.867.806,46 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ).

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Ông Lương Văn Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Ông Hiroshi Hiramoto	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Đoàn Phong Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

Ông Lê Văn Bé
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 7,05% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ MBVF sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề sau (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này) với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng |
| - Thực phẩm - Nước giải khát | - Bảo hiểm |
| - Vật liệu - Khai khoáng | - Hàng hóa công nghiệp |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản | - Dược phẩm |
| - Tiện ích công cộng | - Vận tải |
| - Năng lượng | - Dịch vụ |
| - Bán lẻ | - Dệt may- Thiết bị phụ tùng |

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch
- Trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư (tiếp theo)

- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

1.4 Phân loại Quỹ: Quỹ mở

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 248.678.064.600 VND, tương đương với 24.867.806,46 chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ:

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Danh mục chứng khoán	51,56%	55,79%	58,22%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	48,29%	43,38%	38,64%
Các tài sản khác	0,15%	0,83%	3,14%
	100.00%	100.00%	100,00%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	329.752.704.884	87.071.134.176	108.347.389.613
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	24.867.806,46	7.473.899,94	10.274.849,63
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	13.260	11.650	10.545
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	13.260	11.650	11.307
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	12.152	10.478	10.267
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	7,05%	6,38%	0,10%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-12,43%	48,54%	252,46%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	-	700
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	-	700
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	06 tháng 04 năm 2015
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,29%	3,21%	2,86%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	54,91%	81,46%	70,88%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	13,82%	13,82%
3 năm đến thời điểm báo cáo	32,83%	10,40%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	7,05%	6,38%	0,10%

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP 6 tháng đầu năm 2017 tăng 5,73%. Khu vực dịch vụ có tăng trưởng mạnh nhất đặc biệt là mảng lưu trú ăn uống, bán buôn bán lẻ. Khu vực nông nghiệp có tăng trưởng nhẹ. Trong khi khu vực công nghiệp ghi nhận sự sụt giảm rõ nét do ngành khai khoáng giảm mạnh.

Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 1,52% so với bình quân cùng kỳ năm 2016, thấp hơn mức kế hoạch (dự kiến 1,6 – 1,8%). CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái tăng 4,15%. CPI tăng so với cùng kỳ do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng mạnh.

Tổng cục Hải quan thông báo, tổng trị giá xuất khẩu ước đạt gần 97,78 tỷ USD, tăng 18,9% và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 100,47 tỷ USD, tăng 24,1%, nhập siêu của Việt Nam trong 2 quý đầu năm 2017 lên gần 2,7 tỷ USD, bằng 1,4% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Thị trường ngoại hối và tỷ giá USD/VND khá ổn định trong nửa đầu năm nay, đặc biệt là trước tác động từ các quyết định tăng lãi suất liên tiếp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Kết quả này đặt trong điều kiện nhập siêu đã quay trở lại, nhưng tỷ giá được giữ khá ổn định. Cũng trong 6 tháng đầu năm, thị trường ghi nhận ba lần Ngân hàng Nhà nước nâng giá mua vào USD, trong tháng 1, tháng 4 và tháng 6. Thanh khoản ngoại tệ của thị trường tốt, đáp ứng các cung cầu ngoại tệ.

Sau 6 tháng đầu năm 2017, chỉ số VN index tăng 16,7%, chỉ số HNX index tăng 23,7%. Chỉ số VN30 tăng 21,8%. Thanh khoản trung bình phiên của thị trường tăng tích cực, sàn HOSE tăng 42,3% so với 6 tháng đầu năm 2016, và tăng 47,6% so với cả năm 2016 (nếu loại trừ thanh khoản của ROS, thì sàn HOSE tăng lần lượt 39% và 44,1%) Trên sàn HNX index, thanh khoản tăng 12,1% so với 6 tháng đầu năm 2016 và tăng 17,3% so với cả năm 2016. Toàn thị trường có gần 75% số mã tăng giá và 25% mã giảm giá, độ rộng thị trường lớn cho thấy dòng tiền mới chảy vào thị trường chứng khoán rất tích cực. Dòng tiền vẫn có xu hướng tập trung vào nhóm cổ phiếu cơ bản nhiều hơn các năm trước, thể hiện qua: Chỉ số VN30 tăng mạnh hơn chỉ số Vnindex; nhóm Large cap tăng trung bình 12,5%, nhóm Mid-cap tăng 31,4%, nhóm Penny tăng 22,5%. Tương tự 2016, nhóm Mid-cap và Large-cap đều có mức tăng tích cực so với nhóm Small-cap, Penny, cho thấy trong đợt tăng trưởng này, nhóm cổ phiếu cơ bản vẫn thu hút dòng tiền rất tốt.

Giao dịch của khối nhà đầu tư nước ngoài trong 6 tháng đầu năm cũng có diễn biến tích cực. Sau năm 2016 bán ròng với giá trị bán ròng đạt 6.765 tỷ đồng, nhà đầu tư nước ngoài đã quay trở lại mua ròng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2017. Cụ thể, khối ngoại trên HOSE và HNX đã mua vào 1,47 tỷ cổ phiếu, trị giá trên 58.805 tỷ đồng, trong khi bán ra 1,48 tỷ cổ phiếu, trị giá trên 49.746 tỷ đồng. Tính về giá trị thì khối, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng tương đương 9.048 tỷ đồng, chủ yếu tập trung mua ròng tại sàn HOSE.

Năm 2017, Thị trường chứng khoán cũng chứng kiến việc luân phiên dẫn dắt thị trường của các nhóm ngành có sự thay đổi rõ rệt so với 2016. Các nhóm: Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán tăng mạnh nửa đầu 2017 trong khi năm 2016 gần như không tăng trưởng. Ngược lại, nhóm tài nguyên cơ bản, hàng hóa tăng tốt trong năm 2016, năm nay có phần trầm lắng. Nhóm ngành thực phẩm và đồ uống, bán lẻ, dược phẩm là những ngành tiếp tục tăng tích cực trong năm 2017, sau khi đã tăng mạnh trong năm 2016.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	12,39%	25,10%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	10,49%	3,26%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	13,82%	32,83%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	13,82%	10,40%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:

Zoom 1m 3m 6m 1y All



NAV/CCQ từ ngày 25/04/2014 đến ngày 02/04/2015 đã được điều chỉnh cổ tức 7% (700 VND/CCQ)

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	329.752.704.884	87.071.134.176	278,7%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	13.260	11.650	13,8%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	220	376.798,83	1,52%
Từ 5.000 đến 10.000	72	542.793,38	2,18%
Từ 10.000 đến 50.000	150	3.651.855,81	14,69%
Từ 50.000 đến 500.000	85	11.534.460,71	46,38%
Trên 500.000	10	8.761.897,73	35,23%
	537	24.867.806,46	100,00%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Dự báo kinh tế vĩ mô Quý III – 2017

Dự báo tăng trưởng GDP 6 tháng cuối năm tiếp tục tích cực có thể đạt mức 6,4%-6,5% cho cả năm 2017 khi:

(1) Chính phủ chỉ đạo đạt tăng mục tiêu tăng trưởng rất quyết liệt, tiếp tục dùng tăng trưởng tín dụng để hỗ trợ tăng trưởng GDP;

(2) Tăng khai thác dầu thô để tăng thu ngân sách, nếu bán được gần \$50/thùng, sẽ đóng góp 0,3% tăng trưởng GDP;

(3) Mảng nông nghiệp tiếp tục được kỳ vọng có tăng trưởng tốt.

Chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục được nới lỏng, tín dụng còn nhiều room để tăng trưởng thêm. Cụ thể, trong tháng 7, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động hạ lãi suất cho vay tại một số lĩnh vực để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Dự trữ ngoại hối quốc gia tiếp tục gia tăng (gần 42 tỷ USD tương đương 2,5 tháng nhập khẩu). Dòng vốn giải ngân FII và FDI tích cực. Nhà nước tiếp tục chủ động trong điều hành tỷ giá. Nhìn chung tỷ giá được giữ ổn định, không có phá giá mạnh, cuối năm tỷ giá giao dịch có thể đạt ngưỡng VND23.000/USD.

Lạm phát 6 tháng cuối năm có thể tăng trên 4% khi cung tiền tiếp tục tăng trong khi các yếu tố hỗ trợ lạm phát thấp như giá thực phẩm, giá dầu giảm mạnh đã gần như phản ánh trong 6 tháng đầu năm. Hơn nữa, giá học phí, dịch vụ y tế và lương cơ bản tiếp tục tăng theo đúng lộ trình sẽ là những yếu tố làm tăng lạm phát lên trên 4%.

Nhìn chung, tình hình kinh tế vĩ mô vẫn được duy trì ổn định, các chỉ số vĩ mô được kiểm soát chặt chẽ để đạt mục tiêu mà chính phủ đã đề ra. Do đó, tình hình kinh tế vĩ mô vẫn hỗ trợ tích cực cho thị trường chứng khoán trong 6 tháng cuối năm.

Dự báo thị trường chứng khoán Quý III – 2017

Với những giả định bối cảnh kinh tế vĩ mô như trên, chúng tôi kỳ vọng rằng thị trường trong 6 tháng cuối năm vẫn là xu hướng kênh tăng giá, tuy nhiên sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn do mức định giá của nhiều nhóm ngành đã không còn rẻ, các cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn, định giá ở mức vừa phải sẽ là các cổ phiếu tiếp tục tăng giá. Trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có nhịp điều chỉnh đầu Quý III khi áp lực chốt lời gia tăng khi kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm của các doanh nghiệp đã được phản ánh một phần vào giá.

6. THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý của Quỹ

Ông Nguyễn Đức Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hải có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Ông Hải gia nhập MB Capital vào năm 2007 ở vị trí chuyên viên phân tích. Sau đó năm 2009 ông đảm nhiệm vị trí Phó phòng Quản lý Danh mục đầu tư chịu trách nhiệm hỗ trợ, giám sát phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Năm 2011, ông chính thức giữ vai trò Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư phụ trách một số danh mục và Quỹ đầu tư cho Nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế của Hanoi School of Business, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ông Ngô Long Giang
Giám đốc Đầu tư

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ).

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban Điều hành của Công Ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

**Ông Phan
Phương Anh**
*Phó Chủ tịch Hội
đồng quản trị kiêm
Tổng Giám đốc*

Ông Phan Phương Anh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB. Trước khi thành lập MB Capital, ông Phan Anh từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quân đội như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO.

Dưới sự điều hành của Ông, kể từ khi thành lập cho đến nay MB Capital đã trở thành một trong những công ty quản lý Quỹ hoạt động tích cực nhất trên thị trường Việt Nam. Năm 2006, MB Capital đã thành công trong việc thành lập một trong những quỹ thành viên đầu tiên cho Nhà tổ chức trong nước. Năm 2010, MB Capital đã hợp tác với các nhà đầu tư Nhật Bản thành lập 2 quỹ đầu tư chuyên biệt. Và đầu năm 2013, MB Capital đã ra đời Quỹ mở đầu tư trái phiếu (MBBF) đầu tiên tại Việt Nam.

**Ông Nguyễn Đức
Hải**
*Phó Tổng Giám
đốc*

Ông Hải có hơn 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải là Chuyên viên phân tích tài chính tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11/2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

**Bà Trương Thị
Hương Trà**
*Phó Tổng Giám
đốc*

Bà Trương Thị Hương Trà có 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà Trà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04/2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé
*Chủ tịch Ban Đại
diện*

Ông Lê Văn Bé là một trong những sáng lập viên của Ngân hàng Quân đội (MB) và nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Ông cũng nguyên là Chủ tịch HĐQT của MB Capital từ năm 2006 đến năm 2012. Với hơn 30 năm kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam, ông Bé đã góp công lớn trong việc xây dựng MB trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

**Ông Lương Văn
Trung**
*Thành viên Ban
Đại diện*

Ông Lương Văn Trung có hơn 19 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ 04/2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

Ông Hiroshi Hiramoto
Thành viên Ban
Đại diện

Ông Hiramoto Hiroshi có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán tại Nhật Bản. Ông từng giữ nhiều trọng trách tại các công ty chứng khoán lớn của Nhật Bản như: Trưởng phòng kế hoạch, khảo sát và ứng dụng sản phẩm, Phó phòng Quản lý Quỹ đầu tư của công ty Chứng khoán Tokyo, Trưởng phòng phát triển sản phẩm dịch vụ, ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc bộ phận kế hoạch và kinh doanh chứng khoán của công ty Chứng khoán Japan Asia, Cố vấn cấp cao và Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Nhật Bản (Việt Nam), Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Kế hoạch và Kinh doanh, Công ty chứng khoán Japan Asia (Nhật Bản). Ông Hiramoto hiện là Quản lý cấp cao, Phòng điều hành hoạt động kinh doanh nước ngoài, Công ty Kokusai Kogyo – công ty con của Tập đoàn Japan Asia (Nhật Bản).

Ông Hiramoto tốt nghiệp Kỹ sư công nghệ (1979) và Thạc sỹ Công nghệ (1981) trường Đại học Tổng hợp Hiroshima. Ông đã có chứng chỉ Môi giới chứng khoán, chứng chỉ kiểm soát nội bộ, chứng chỉ hoạch định tài chính do Ủy Ban Chứng khoán Nhật Bản cấp. Ông cũng đạt Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp năm 2011.

Bà Lê Hoàng Yến
Thành viên Ban
Đại diện

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

Ông Đoàn Phong Quang
Thành viên Ban
Đại diện

Ông Đoàn Phong Quang hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC). Trước khi gia nhập MIC, ông Đoàn Phong Quang từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ông Quang được bầu làm thành viên Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital từ tháng 4/2016.



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Điểm a Mục 10 Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: “Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; và ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 16 tháng 03 năm 2017, tại ngày 30 tháng 03 năm 2017, các kỳ định giá từ ngày 07 tháng 04 năm 2017 đến ngày 20 tháng 04 năm 2017, tại ngày 30 tháng 04 năm 2017, và tại các kỳ định giá từ ngày 04 tháng 05 năm 2017 đến ngày 22 tháng 06 năm 2017, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty quản lý quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ lần lượt tại kỳ định giá ngày 23 tháng 03 năm 2017, kỳ định giá ngày 27 tháng 04 năm 2017, kỳ định giá ngày 11 tháng 05 năm 2017 và kỳ định giá ngày 29 tháng 06 năm 2017.

- Điểm f Mục 10 Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 19 tháng 01 năm 2017, ngoài yếu tố biến động giá thị trường trong danh mục đầu tư của Quỹ và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp trong kỳ, Quỹ thực hiện mua thêm chứng khoán trong danh mục đầu tư dẫn đến cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty quản lý quỹ đã điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép tại kỳ định giá ngày 25 tháng 01 năm 2017.

- Theo Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phải sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

Tại kỳ định giá ngày 23 tháng 03 năm 2017, tổng giá trị các khoản phải trả vượt giá trị tài sản ròng của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại Thông tư 15 và Điều lệ Quỹ. Việc Quỹ phát sinh sai lệch là do nhà đầu tư đặt tiền mua chứng chỉ quỹ, dẫn tới các khoản phải trả và tiền của Quỹ trong kỳ giao dịch tăng mạnh. Số tiền đặt mua chứng chỉ quỹ sau khi được phân bổ sẽ được ghi nhận tại ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Công ty quản lý quỹ đã điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật tại kỳ định giá ngày 30 tháng 03 năm 2017.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000
Fax : (84 4) 3837 8356
Swift: SCBLNVNX

Here for good



- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát



Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000
Fax : (84 4) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61020402/19503083 - MBVF

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các nhà đầu tư**
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017 và được trình bày từ trang 15 đến trang 52, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ mở giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.


Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		19.512.494.738	6.126.457.668
2	1.1. Cổ tức được chia		1.976.616.600	813.015.000
3	1.2. Tiền lãi được nhận		2.897.827.588	506.108.468
4	1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	6.272.073.372	3.405.923.664
5	1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	8.365.977.178	1.401.410.536
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		377.440.333	178.668.596
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	377.440.333	178.668.596
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.178.376.551	961.467.354
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ mở		1.680.550.137	525.347.831
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		111.399.948	84.718.272
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		99.000.000	53.935.482
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		52.800.000	52.800.000
20.8	3.6. Chi phí kiểm toán		24.001.091	24.067.758
	3.7. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ		85.960.000	106.875.483
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	8	25.665.375	14.722.528
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		16.956.677.854	4.986.321.718
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		16.956.677.854	4.986.321.718
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		8.590.700.676	3.584.911.182
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		8.365.977.178	1.401.410.536
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		16.956.677.854	4.986.321.718

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	159.493.274.330	43.829.446.298
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		6.493.274.330	14.329.446.298
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		153.000.000.000	29.500.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	170.292.906.050	51.237.504.200
121	2.1 Các khoản đầu tư		170.292.906.050	51.237.504.200
130	3. Các khoản phải thu	11	491.437.566	4.697.851.062
131	3.1 Phải thu bán cổ phiếu		-	3.867.259.396
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		491.437.566	830.591.666
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận		491.437.566	830.591.666
100	TỔNG TÀI SẢN		330.277.617.946	99.764.801.560
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	4.286.924.757
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	1.568.010
316	3. Chi phí phải trả	12	28.960.000	87.400.000
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	13	495.953.062	168.921.106
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		524.913.062	4.544.813.873
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		329.752.704.884	95.219.987.687
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	14	248.678.064.600	76.871.856.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		459.479.413.200	224.662.491.300
413	1.2 Vốn góp mua lại		(210.801.348.600)	(147.790.635.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		46.765.890.937	996.060.194
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	15	34.308.749.347	17.352.071.493
	3.1 Lợi nhuận đã thực hiện		26.735.144.242	18.144.443.566
	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		7.573.605.105	(792.372.073)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		13.260	12.387

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		4.515.227.682	4.515.227.682
	1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ		-	-
	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	4.515.227.682

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: chứng chỉ quỹ

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	24.867.806,46	7.687.185,60

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	95.219.987.687	55.189.595.137
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	16.956.677.854	4.986.321.718
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	16.956.677.854	4.986.321.718
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	217.576.039.343	26.895.217.321
1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	298.375.060.500	44.087.670.000
2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(80.799.021.157)	(17.192.452.679)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	329.752.704.884	87.071.134.176

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng cổ phần	Giá thị trường VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ/Tổng giá trị tài sản hiện tại
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT				
1	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	406.882	14.000	5.696.348.000	1,72%
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.532.300	8.900	13.637.470.000	4,13%
3	Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam	7	13.500	94.500	0,00%
4	Công ty Cổ phần FPT	742.139	46.850	34.769.212.150	10,53%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	796.000	25.900	20.616.400.000	6,24%
6	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	337.100	61.100	20.596.810.000	6,24%
7	Công ty Cổ phần Xây dựng 3-2	220.476	42.400	9.348.182.400	2,83%
8	Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Từ Liêm	1.500.000	9.850	14.775.000.000	4,47%
9	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	749.600	16.800	12.593.280.000	3,81%
10	Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	745.670	42.700	31.840.109.000	9,64%
11	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	300.000	21.400	6.420.000.000	1,94%
		7.330.174		170.292.906.050	51,56%
IV	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Dự thu cổ tức được nhận			220.476.000	0,07%
2	Dự thu lãi tiền gửi được nhận			270.961.566	0,08%
				491.437.566	0,15%
V	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			6.493.274.330	1,97%
2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			153.000.000.000	46,32%
				159.493.274.330	48,29%
VI	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			330.277.617.946	100%

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(182.302.758.100)	(68.490.945.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		77.477.944.300	51.549.904.800
03	3. Cổ tức đã nhận		2.505.550.334	724.342.000
04	4. Tiền lãi đã thu		2.706.813.688	459.889.898
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(1.908.302.829)	(939.230.729)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(389.670.694)	(181.662.343)
	7. Chi khác		2.459.780.000	-
	8. Thu khác		(2.460.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(101.910.643.301)	(16.877.701.374)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở		298.375.060.500	44.130.020.000
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở		(80.800.589.167)	(17.185.197.031)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		217.574.471.333	26.944.822.969
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ		115.663.828.032	10.067.121.595
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		43.829.446.298	28.139.070.433
51	1. Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		43.829.446.298	28.139.070.433
52	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		43.829.446.298	28.139.070.433

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	9	159.493.274.330	38.206.192.028
56	1. Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		159.493.274.330	38.206.192.028
57	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		159.493.274.330	38.206.192.028
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		115.663.828.032	10.067.121.595

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và điều lệ sửa đổi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2016.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 248.678.064.600 VND, tương đương với 24.867.806,46 chứng chỉ quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 76.871.856.000 VND, tương đương với 7.687.185,60 chứng chỉ quỹ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ Năm hàng tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày Thứ Năm tuần thứ hai và tuần thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì được chuyển sang ngày Thứ Năm kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày Thứ Năm kế tiếp vẫn là nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng:
 - ✓ Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - ✓ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - ✓ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - ✓ Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Các năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Giai đoạn tài chính riêng giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Do vậy, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 *Tuân thủ*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ.

3.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183 và Thông tư số 15 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ *Tiền (VND)*: là số dư tiền gửi tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Ngoại tệ*: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tiền gửi có kỳ hạn* là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ *Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu*:

Đối với các công cụ trả lãi:

Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Đối với các công cụ không trả lãi:

- i. Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
 - ii. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
- ▶ *Trái phiếu:*
- i. *Trái phiếu niêm yết*: Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế;
 - ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
 - ii. *Trái phiếu không niêm yết*: Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

► Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:
 - ✓ Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - ✓ Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thống qua.
- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Mệnh giá;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
 - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách;
 - ✓ Giá mua/giá trị vốn góp;
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

► Chứng khoán phái sinh

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- *Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

► *Các tài sản được phép đầu tư khác:* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.6 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.7 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Chi phí (tiếp theo)

Phí giám sát và phí lưu ký (tiếp theo)

Phí giám sát và lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:

Phí lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng:

Phí lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí lưu ký tối thiểu: 10.000.000/một tháng không có thuế giá trị gia tăng.

Phí giám sát = 0,035% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí giám sát tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức phí trên không bao gồm các phí thông thường khác như phí Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, phí sửa lệnh...

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí quản trị quỹ = 0,045% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Phí quản trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí định giá đột xuất theo yêu cầu : 10.750.000 VND/ lần

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 8.000.000 đồng/một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; phí giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, phí kết nối, phí cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, phí thực hiện quyền được miễn. Mức phí trên chưa bao gồm các phí khác như phí gửi thư cho nhà đầu tư, phí cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2016: 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

		<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tổng giá trị bán	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	73.604.902.800	67.332.829.428	6.272.073.372
			3.405.923.664

6. CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

			<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	162.719.300.945	170.292.906.050	7.573.605.105	(792.372.073)
				8.365.977.178

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	267.033.386	101.313.790
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	110.406.947	77.354.806
	377.440.333	178.668.596

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phí ngân hàng	20.233.466	9.749.850
Phí quản lý thường niên	4.958.909	4.972.678
Phí khác	473.000	-
	25.665.375	14.722.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:		
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	6.493.274.330	14.329.446.298
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng VND	153.000.000.000	29.500.000.000
	159.493.274.330	43.829.446.298

Tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn dưới 3 tháng với lãi suất trong kỳ từ 4,60%/năm đến 5,30%/năm.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu						
- Cổ phiếu niêm yết	162.719.300.945	170.292.906.050	7.573.605.105	52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)
Tổng	162.719.300.945	170.292.906.050	7.573.605.105	52.029.876.273	51.237.504.200	(792.372.073)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Dự thu bán cổ phiếu	-	3.867.259.396
Dự thu cổ tức	220.476.000	749.500.000
Dự thu lãi tiền gửi	270.961.566	81.091.666
	491.437.566	4.697.851.062

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải trả kiểm toán	24.001.091	48.400.000
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	-	39.000.000
Phí quản lý khác	4.958.909	-
	28.960.000	87.400.000

13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải trả phí quản lý	415.998.137	96.686.106
Phải trả phí lưu ký	16.639.925	10.000.000
Phải trả phí giám sát	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	26.400.000	26.400.000
Phải trả phí giao dịch	3.915.000	2.835.000
	495.953.062	168.921.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Lợi nhuận đã thực hiện VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.548.486.249	(1.125.132.218)	6.423.354.031
Phát sinh trong năm	10.595.957.317	332.760.145	10.928.717.462
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	18.144.443.566	(792.372.073)	17.352.071.493
Phát sinh trong kỳ	8.590.700.676	8.365.977.178	16.956.677.854
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	26.735.144.242	7.573.605.105	34.308.749.347

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày dưới đây:

Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chí quỹ	Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ VND	
	1/1/2017	95.219.987.687	7.687.185,60	12.387		01/01/2016	55.189.595.137	5.039.512,17	10.951		
1	5/1/2017	93.587.781.231	7.687.185,60	12.175	(212)	07/01/2016	54.458.582.681	5.039.512,17	10.806	(145)	
2	12/1/2017	93.417.879.500	7.687.185,60	12.152	(23)	14/01/2016	53.819.193.580	5.039.512,17	10.679	(127)	
3	19/1/2017	86.431.115.448	7.088.772,28	12.193	41	21/01/2016	51.741.246.002	4.938.249,32	10.478	(201)	
4	26/1/2017	86.512.220.446	7.088.772,28	12.204	11	28/01/2016	52.342.858.684	4.938.249,32	10.599	121	
5	1/2/2017	86.506.969.274	7.088.772,28	12.203	(1)	01/02/2016	53.481.096.900	4.997.854,35	10.701	102	
6	2/2/2017	86.505.871.168	7.088.772,28	12.203	(0)	04/02/2016	52.958.355.871	4.997.854,35	10.596	(105)	
7	9/2/2017	90.934.887.480	7.400.948,71	12.287	84	11/02/2016	53.503.618.782	4.997.854,35	10.705	109	
8	16/2/2017	91.553.125.836	7.399.990,20	12.372	85	18/02/2016	53.627.194.574	4.997.854,35	10.730	25	
9	23/2/2017	93.291.439.793	7.399.990,20	12.607	235	25/02/2016	53.887.496.679	4.997.854,35	10.782	52	
10	1/3/2017	95.026.336.494	7.529.928,35	12.620	13	01/03/2016	53.801.834.536	4.997.854,35	10.765	(17)	
11	2/3/2017	94.980.344.035	7.529.928,35	12.614	(6)	03/03/2016	53.884.722.567	4.997.854,35	10.782	17	
12	9/3/2017	95.384.919.003	7.529.928,35	12.667	53	10/03/2016	54.204.362.685	4.997.854,35	10.846	64	
13	16/3/2017	137.780.583.176	10.848.258,03	12.701	34	17/03/2016	55.128.197.078	4.997.854,35	11.030	184	
14	23/3/2017	137.785.286.781	10.848.258,03	12.701	0	24/03/2016	55.215.599.192	4.997.854,35	11.048	18	
15	30/3/2017	295.430.170.041	23.183.630,89	12.743	42	31/03/2016	87.243.315.040	7.872.600,50	11.082	34	
16	1/4/2017	295.910.147.235	23.183.630,89	12.764	21	01/04/2016	87.427.463.995	7.872.600,50	11.105	23	
17	6/4/2017	295.026.161.981	23.183.630,89	12.726	(38)	07/04/2016	87.102.581.471	7.872.600,50	11.064	(41)	
18	13/4/2017	296.397.403.658	23.183.630,89	12.785	59	14/04/2016	88.356.551.803	7.872.600,50	11.223	159	
19	20/4/2017	321.559.551.005	25.310.414,09	12.705	(80)	21/04/2016	81.713.825.679	7.306.550,86	11.184	(39)	
20	27/4/2017	320.341.995.900	25.310.414,09	12.657	(48)	28/04/2016	82.336.133.212	7.306.550,86	11.269	85	

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017										Trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016									
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND				
21	1/5/2017	333.102.930.570	26.223.389,84	12.703	46	01/05/2016	82.414.636.419	7.286.929,36	11.310	41	01/05/2016	82.414.636.419	7.286.929,36	11.310	41				
22	4/5/2017	332.833.382.966	26.223.389,84	12.692	(11)	05/05/2016	81.887.789.343	7.286.929,36	11.238	(72)	05/05/2016	81.887.789.343	7.286.929,36	11.238	(72)				
23	11/5/2017	334.785.942.629	26.223.389,84	12.767	75	12/05/2016	81.932.808.892	7.286.929,36	11.244	6	12/05/2016	81.932.808.892	7.286.929,36	11.244	6				
24	18/5/2017	356.435.258.968	27.596.300,38	12.916	149	19/05/2016	82.598.047.566	7.253.226,94	11.388	144	19/05/2016	82.598.047.566	7.253.226,94	11.388	144				
25	25/5/2017	355.893.433.089	27.596.300,38	12.896	(20)	26/05/2016	82.321.908.734	7.253.226,94	11.350	(38)	26/05/2016	82.321.908.734	7.253.226,94	11.350	(38)				
26	1/6/2017	337.241.411.703	26.017.803,72	12.962	66	01/06/2016	82.642.240.409	7.253.226,94	11.394	44	01/06/2016	82.642.240.409	7.253.226,94	11.394	44				
27	8/6/2017	340.439.918.217	26.017.803,72	13.085	123	02/06/2016	82.595.557.034	7.253.226,94	11.387	(7)	02/06/2016	82.595.557.034	7.253.226,94	11.387	(7)				
28	15/6/2017	339.649.651.878	25.821.988,82	13.154	69	09/06/2016	83.306.848.245	7.253.226,94	11.485	98	09/06/2016	83.306.848.245	7.253.226,94	11.485	98				
29	22/6/2017	342.287.165.346	25.821.988,82	13.256	102	16/06/2016	86.183.614.302	7.449.897,46	11.568	83	16/06/2016	86.183.614.302	7.449.897,46	11.568	83				
30	29/6/2017	329.053.038.666	24.867.806,46	13.232	(24)	23/06/2016	86.506.651.296	7.449.897,46	11.612	44	23/06/2016	86.506.651.296	7.449.897,46	11.612	44				
31	1/7/2017	329.752.704.884	24.867.806,46	13.260	28	30/06/2016	86.465.711.530	7.473.899,94	11.569	(43)	30/06/2016	86.465.711.530	7.473.899,94	11.569	(43)				
32						01/07/2016	87.071.134.176	7.473.899,94	11.650	81	01/07/2016	87.071.134.176	7.473.899,94	11.650	81				
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ					223.414.162.206	70.525.781.033													
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ																			
- Mức cao nhất trong kỳ (VND)																235	184		
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)																0	(201)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Chứng chỉ quỹ
Số lượng	24.867.806,46	7.687.185,60
	24.867.806,46	7.687.185,60

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

18.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	1.680.550.137	525.347.831

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	415.998.137	96.686.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

18.1 Các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 78.000.000 VND. Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

iii) Ngân hàng TMCP Quân đội

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập lãi tiền gửi	663.472.186	176.650.434
Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ	Số dư tiền gửi	62.000.000.000	-

iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB – Nhà đầu tư

Phí môi giới chứng khoán của Quỹ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán MB phát sinh trong kỳ là 69.286.794 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

18.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Các giao dịch trọng yếu kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
			VND	VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	99.000.000	53.935.482
		Phí lưu ký	81.102.969	60.000.000
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	99.000.000
		Phí giao dịch chứng khoán	20.790.000	17.310.000
		Phí chuyển tiền, phí khác	19.224.700	9.749.850

Số dư trọng yếu tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
			VND	VND
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	6.493.274.330	14.329.446.298
		Phí lưu ký phải trả	16.639.925	10.000.000
		Phí giám sát phải trả	16.500.000	16.500.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	16.500.000	16.500.000
		Phí giao dịch chứng khoán phải trả	3.915.000	2.835.000

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của quỹ. Nợ phải trả tài chính của quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 170.292.906.050 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (17.029.290.605) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 17.029.290.605 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Chi phí phải trả	-	28.960.000	-	-	-	28.960.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	495.953.062	-	-	-	495.953.062
		524.913.062				524.913.062
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	4.286.924.757	-	-	-	4.286.924.757
Chi phí phải trả	-	87.400.000	-	-	-	87.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	168.921.106	-	-	-	168.921.106
Phải trả thuế thu nhập cá nhân	-	1.568.010	-	-	-	1.568.010
		4.544.813.873				4.544.813.873

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198, Thông tư số 183 và Thông tư số 15.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

► ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

► ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***
 - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:***
 - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***
Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ***
Bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm 30 tháng 6:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Ngày 30 tháng 06 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	162.719.300.945	170.292.906.050	48.857.441.082	49.133.719.400
- Cổ phiếu niêm yết	162.719.300.945	170.292.906.050	48.857.441.082	49.133.719.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu	159.984.711.896	159.984.711.896	38.935.085.917	38.935.085.917
- Tiền gửi không kỳ hạn	6.493.274.330	6.493.274.330	8.206.192.028	8.206.192.028
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	153.000.000.000	153.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	491.437.566	491.437.566	728.893.889	728.893.889
	322.704.012.841	330.277.617.946	87.792.526.999	88.068.805.317
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Ngày 30 tháng 06 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả tiền mua các khoản đầu tư	-	-	703.293.360	703.293.360
Chi phí phải trả	28.960.000	28.960.000	75.140.435	75.140.435
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	495.953.062	495.953.062	169.526.198	169.526.198
Phải trả đại lý phân phối	-	-	47.985.126	47.985.126
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-	-	105.500	105.500
	524.913.062	524.913.062	996.050.619	996.050.619

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT


STT	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,50%	1,48%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,19%	0,39%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,14%	0,43%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,02%	0,07%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,07%	0,28%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	2,29%	3,21%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	54,91%	81,46%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	76.871.856.000 7.687.185,60	50.395.121.700 5.039.512,17
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	23.481.692,19 234.816.921.900 (6.301.071,33) (63.010.713.300)	4.001.275,17 40.012.751.700 (1.566.887,40) (15.668.874.000)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	248.678.064.600 24.867.806,46	74.738.999.400 7.473.899,94
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	2,23%	47,88%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	37,24%	63,43%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,01%	0,03%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	537	300
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	13.260	11.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 08 năm 2017